

Bản án số:13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2023
V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng và con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

Thư ký Tòa án tại điểm cầu thành phần: Ông Phạm Duy Cường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26-4-2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã Q theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **17/2023/QĐXX-ST** ngày 28-8-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông- Có mặt tại điểm cầu Ủy ban nhân dân xã Q.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông- Có mặt tại điểm cầu Ủy ban nhân dân xã Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Bà C và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 tại xã thôn 8, xã A, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; đến năm 2004 thì chuyển vào xã Q, huyện Đ sinh sống; quá trình chung sống không đăng ký kết hôn; bà C, ông D có 02

con chung là cháu Nguyễn Anh Q sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Văn Tấn P sinh ngày 16-9-2009.

Do cuộc sống của vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài nên mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông D.

Về con chung: Bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Tấn P sinh ngày 16-9-2009, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Anh Q sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành; có đủ khả năng lao động, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:* Ông D và bà C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001; quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Q sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Văn Tấn P sinh ngày 16-9-2009.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông D thì ông không đồng ý; về con chung: ông D không đồng ý giao cháu P cho bà C nuôi dưỡng; ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C về không công nhận quan hệ vợ chồng; ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; về tài sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng; về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cháu Nguyễn Văn Tấn P cho bà C nuôi dưỡng; đối với cháu Nguyễn Anh Q đã trưởng thành, không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà C và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng và yêu cầu được nuôi con chung. Bà C và ông D không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng và con chung*". Bị đơn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà C và ông D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn; quá trình chung sống không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện tại bà C và ông D đã không chung sống với nhau. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 11; Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (hiện nay là khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

[3]. Về nuôi con chung: Bà C và ông D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Tấn P sinh ngày 16-9-2009; tuy nhiên, xét thấy cháu P được bà C chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ, hiện tại vẫn đang sinh sống cùng với bà C; cháu P cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với bà C. Để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý, môi trường sống và học tập của cháu P khi bố mẹ không còn chung sống với nhau, do đó cần giao cháu P cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Anh Q sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành; có đủ khả năng lao động, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Văn Tấn P sinh ngày 16-9-2009 cho bà Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi không còn chung sống với nhau, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

4. *Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004457 ngày 25 tháng 04 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ (để biết).
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quốc Vụ